

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ TẬP HỢP LỰC LƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN TẠI HỘI NGHỊ PARIS

★ PGS, TS TRẦN THỊ THU HƯƠNG

● **Tóm tắt:** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký vào ngày 27-01-1973 là “thắng lợi ngoại giao tuyệt vời”⁽¹⁾, tạo nên bước ngoặt quan trọng mang tầm chiến lược dẫn đến thắng lợi vĩ đại vào mùa Xuân năm 1975. Để có được thắng lợi ngoại giao tuyệt vời ấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo để tập hợp lực lượng, tạo thế và lực trên bàn đàm phán. Bài học về tập hợp lực lượng trong đấu tranh ngoại giao để thực hiện mục tiêu chiến lược “đánh cho Mỹ cút” trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược có giá trị to lớn, được Đảng ta vận dụng, phát triển trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

● **Từ khóa:** Hiệp định Paris; mặt trận ngoại giao; tập hợp lực lượng; sức mạnh tổng hợp.

1. Quyết sách của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng trong quá trình đàm phán

Thành công của việc tập hợp lực lượng trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris trước hết xuất phát từ đường lối chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trước những yêu cầu nhiệm vụ của đất nước khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là khi đất nước phải đương đầu với Mỹ - kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh hơn ta nhiều lần. Đây là cuộc chiến tranh kéo dài nhất, tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ, cuộc chiến tranh mà “quy mô đau khổ và tàn phá vượt quá mọi lời lẽ”⁽²⁾, như người Mỹ đã thừa nhận. Chính vì vậy, ngay cả cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mc Namara, sau gần 30 năm im lặng cũng đã phải tự hỏi: “Những

người cộng sự của tôi trong chính quyền Kennơđi và Giônxon là một nhóm người đặc biệt... Tại sao nhóm người đó - những người giỏi nhất và thông minh nhất ấy... lại mắc sai lầm về Việt Nam?... Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy?”⁽³⁾.

Không chỉ phải đối mặt với những thách thức trước kẻ thù hung bạo, với tiềm lực kinh tế, quân sự khổng lồ, cách mạng Việt Nam còn phải đứng trước những vấn đề phức tạp của tình hình quốc tế, nhất là sự bất đồng trong nhận thức về đường lối, phương pháp tiến hành cách mạng của các nước lớn trong hệ thống XHCN, nhất là giữa Trung Quốc và Liên Xô.

Trước những thách thức ngặt nghèo ấy, Đảng Lao động Việt Nam phải giải quyết một loạt vấn đề chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, trong

đó, Đảng nhấn mạnh: “Đoàn kết bất cứ người nào có thể đoàn kết được, tranh thủ bất cứ người nào có thể tranh thủ được, trung lập bất cứ người nào có thể trung lập, cốt nhằm phân hóa kẻ thù đến cao độ và cô lập chúng, đồng thời tìm kiếm thêm nhiều bạn cả trong nước và ngoài nước”⁽⁴⁾.

Cuối năm 1965, với những thắng lợi liên tiếp của quân và dân ở hai miền đất nước, Đảng đã tính đến kế hoạch đàm phán với Mỹ, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Song, ngoại giao chỉ được mở màn và được coi là mặt trận sau Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1-1967): “đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định để giành thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng

ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”⁽⁵⁾. Từ đây, Đảng triển khai kế hoạch và quyết định đẩy mạnh đấu tranh quân sự trên cả hai miền, đồng thời đưa ngoại giao thành một mặt trận quan trọng để mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm”.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân năm 1968, Chính phủ Mỹ chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại Paris, đấu tranh ngoại giao đã thực sự trở thành một cuộc đấu tranh quyết liệt. Đến đầu năm 1969, Đảng Lao động Việt

Nam thấy rõ mưu đồ của Mỹ là kéo dài cuộc chiến tranh, Bộ Chính trị đề ra cho mặt trận ngoại giao và Đoàn đàm phán Paris nhiệm vụ chủ yếu: “a- Đẩy địch xuống thang một bước trên chiến trường chính, ép Mỹ đơn phương rút một bộ phận quân Mỹ; b- Khoét sâu khó khăn nội bộ Mỹ, nội bộ nguy, mâu thuẫn Mỹ - nguy; c- Đề cao vị trí quốc tế của Mặt trận dân tộc giải phóng...; d- Tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ..., tranh thủ sự giúp

đỡ mạnh mẽ của phong trào nhân dân thế giới bao gồm cả nhân dân Mỹ đấu tranh đòi Mỹ rút nhanh, rút hết và không điều kiện khỏi miền Nam Việt Nam...”⁽⁶⁾.

Trong gần 5 năm triển khai cục diện vừa đánh, vừa đàm, ngoại giao trở thành một mặt trận có vai trò chiến lược, phối

hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị, huy động sức mạnh tổng hợp của các mặt trận và kết hợp chặt chẽ giữa các hình thức đấu tranh, từng bước tạo ra thế, thời, lực, đánh bại đế quốc đầu sỏ Mỹ với tiềm lực kinh tế, quốc phòng hùng mạnh nhất lúc bấy giờ. Với quan điểm: “Chúng ta chỉ có thể giành được thắng lợi trên bàn đàm phán những gì mà chúng ta giành được trên chiến trường”, Đảng Lao động Việt Nam đã chủ trương tập hợp tất cả các lực lượng của cả nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên thế và lực trên bàn đàm phán.

2. Những thành công về tập hợp lực lượng trong quá trình đàm phán

Thứ nhất, sáng tạo trong chủ trương, linh hoạt về hình thức để tập hợp lực lượng ở mỗi miền và trong cả nước, tạo nên sức mạnh dân tộc

Với quan điểm: “Chúng ta chỉ có thể giành được thắng lợi trên bàn đàm phán những gì mà chúng ta giành được trên chiến trường”, Đảng Lao động Việt Nam đã chủ trương tập hợp tất cả các lực lượng của cả nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên thế và lực trên bàn đàm phán.

Xác định đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở mỗi miền khi đất nước tạm thời bị chia cắt là một sáng tạo độc đáo của Đảng. Quân và dân miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn với tinh thần “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, với các phong trào phụ nữ “ba đảm đang”, thanh niên “ba sẵn sàng”, “tay búa tay súng, tay cày tay súng”, “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”... Đồng thời, quân và dân miền Bắc sẵn sàng “chia lửa” với chiến trường miền Nam.

Khi Mỹ lật lọng trên bàn đàm phán, đưa pháo đài bay B-52 ném bom rải thảm miền Bắc, hòng đánh vào ý chí của quân dân miền Bắc để tạo thế mạnh, thay đổi những điều khoản trong Hiệp định Paris, quân và dân miền Bắc đã trả lời đanh thép bằng “trận Điện Biên Phủ trên không”. Ngày 18-12-1972, Đài Tiếng nói của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam truyền đọc thư từ miền Nam gửi Hà Nội: “Lửa miền Bắc khêu lửa miền Nam, lửa Hà Nội giục lửa Sài Gòn. Từ ngoài vô trong, từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn anh hùng đang vang lên tiếng trả lời đanh thép: Đánh!”⁽⁷⁾.

Đối với cách mạng miền Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện chính thức của nhân dân miền Nam. Tại các địa phương, Mặt trận được thành lập và phát triển với tư cách là chính quyền cách mạng ở các vùng giải phóng, là đại diện cho chính quyền cách mạng ngay trong các vùng địch kiểm soát.

Đến năm 1968, tình hình cách mạng miền Nam cần có sự tập hợp rộng rãi các lực lượng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương Đảng (tháng 01-1968) xác định “thành lập một Mặt trận thứ hai bên cạnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng, lấy một tên thích hợp với cương lĩnh rộng rãi hơn Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng”⁽⁸⁾.

Ngày 20 và 21-4-1968, Đại hội thành lập *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam* được tổ chức ở vùng giải phóng. Liên minh ra Tuyên ngôn và Chương trình hành động cứu nước. Nội dung chủ yếu là đấu tranh đòi độc lập cho dân tộc, dân chủ và hòa bình cho Việt Nam. Đồng thời, quy tụ phong trào đấu tranh yêu nước của giới sinh viên, học sinh, trí thức, đồng bào tôn giáo, công nhân, thương gia, nhân sĩ dân chủ tại các đô thị miền Nam.

Ngày 6-6-1969, Liên minh cùng với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cử ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý để tập hợp lực lượng cách mạng ở trong và ngoài nước.

Từ thực tế cách mạng Việt Nam trong quá trình đàm phán đã để lại bài học về tập hợp lực lượng sáng tạo, độc đáo “tuy hai mà một, tuy một mà hai”. Đây là bài học về sách lược ngoại giao với nét đặc thù và mối quan hệ phân công và phối hợp giữa ngoại giao miền Bắc với ngoại giao miền Nam trong nền ngoại giao Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sách lược đó nhằm đề cao vị trí, vai trò và tính độc lập của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (được thành lập từ tháng 6-1969), tập hợp thêm lực lượng và xu hướng khác nhau ở trong nước và trên thế giới.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Mặt trận thứ hai đã thường xuyên hợp tác chặt chẽ, hỗ trợ nhau, tạo nên sức mạnh không gì lay chuyển nổi, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Hai là, xác định giữ vững độc lập tự chủ, lấy lợi ích đại cục làm trọng, thực hiện chính sách nhất

quán đoàn kết, tranh thủ tất cả các nước, làm thất bại âm mưu của Mỹ chia rẽ Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa

Mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn trong thời kỳ này rất phức tạp. Mỗi nước có lợi ích và tính toán riêng. Mỹ lại lợi dụng mâu thuẫn Xô - Trung và tìm cách đàm phán về vấn đề Việt Nam với từng nước đó để ép Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam xác định giữ vững độc lập tự chủ, lấy lợi ích đại cục làm trọng, thực hiện chính sách nhất quán đoàn kết, tranh thủ tất cả các nước, chống và làm thất bại âm mưu của Mỹ chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

Với đường lối kháng chiến độc lập, tự chủ đi đôi với đoàn kết quốc tế đúng đắn và sáng tạo, vừa tôn trọng và tranh thủ được cả Liên Xô và Trung Quốc, Việt Nam dựa vào sức mạnh dân tộc và sự ủng hộ quốc tế, trực diện chống lại với Mỹ một cách độc lập, vững vàng. Với sự giúp đỡ của Liên Xô, từ năm 1965 đến năm 1972, "hệ thống radar của S-75 (SAM-2) đã được cải tiến 4 lần với 40 nội dung kỹ thuật để bắt kịp cuộc chiến tranh điện tử của Không quân Mỹ"⁽⁹⁾.

Năm 1972, tuy Chính phủ Trung Quốc đón Tổng thống Mỹ Ních xon sang thăm, song vẫn giải quyết phần lớn yêu cầu viện trợ bổ sung cho Việt Nam; đồng thời, còn cử các đoàn ô tô chuyển hàng viện trợ của các nước XHCN cho Việt Nam đến biên giới, đồng ý cho tàu của các nước Đông Âu và Liên Xô chở vũ khí cho Việt Nam vào cảng của Trung Quốc⁽¹⁰⁾... Không chỉ giúp đỡ vật chất, các nước XHCN còn hỗ trợ Việt Nam đào tạo nguồn lực quân sự, để tiếp nhận, sử dụng hiệu quả các loại vũ khí được viện trợ⁽¹¹⁾.

Tăng cường mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương hình thành từ đầu cuộc chiến tranh. Năm 1970, Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả ba nước Đông Dương. Tháng 6-1970, Bộ Chính trị kịp thời chủ trương đưa đoàn kết Đông Dương

lên tầm cao mới. Xử lý vấn đề Lào và Campuchia, phối hợp nhưng tôn trọng bạn là một vấn đề lớn trong nghệ thuật đàm phán. Đàm phán Paris để giải quyết vấn đề Việt Nam, nhưng có bàn về vấn đề Lào và Campuchia; trong Hiệp định Paris, có điều khoản (Điều 20) về Lào và Campuchia. Do tình hình hai nước bạn khác nhau nên cách giải quyết cũng có khác nhau, chủ trương phối hợp đấu tranh, vận dụng sức mạnh tổng hợp của ba chiến trường nhưng giữ vững nguyên tắc tôn trọng bạn, tôn trọng quyền quyết định của bạn là đúng đắn và phù hợp thực tế.

Ba là, tập hợp lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, trong đó có cả nhân dân Mỹ

Để mở rộng mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến, phân hóa lực lượng kẻ thù, một mặt Đảng chủ trương đẩy mạnh các hình thức, trên nhiều diễn đàn khác nhau để tuyên truyền về cuộc chiến đấu chính nghĩa vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, mặt khác tố cáo tội ác dã man của đế quốc Mỹ. Cùng với đó, thắng lợi trên chiến trường cùng với hoạt động ngoại giao của hai miền Nam - Bắc, phối hợp với đấu tranh trong đàm phán Paris đã góp phần thúc đẩy phong trào mở rộng ra khắp các châu lục mà sôi động nhất là ở các nước Tây Bắc Âu. Phong trào nhân dân thế giới trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu tác động mạnh mẽ đến nền chính trị các nước, tạo nên một sức ép căng thẳng đối với chính quyền Mỹ. Chưa bao giờ trên thế giới có phong trào ủng hộ sự nghiệp giải phóng của một dân tộc lại có quy mô to lớn, hình thức phong phú và tác động rất hiệu quả như phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Đối với nhân dân Mỹ, một mặt Việt Nam thông tin rộng rãi về các đề nghị thiện chí hòa bình của Việt Nam tại bàn đàm phán, tiến hành các cuộc tiếp xúc rộng rãi giữa đại diện Việt Nam

với đại diện các tầng lớp nhân dân Mỹ, cùng với tác động của phong trào nhân dân các nước vào nội bộ Mỹ... Mặt khác, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phân hóa nội bộ của nước Mỹ, đồng cảm chia sẻ nỗi mất mát của nhân dân Mỹ trong cuộc chiến tranh mà giới cầm quyền gây ra, đồng thời đánh giá cao cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam. Do vậy, phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã dấy lên mạnh mẽ từ thời Giôn-xon, nhất là dịp Tết Mậu Thân. Báo chí nước ngoài nhận định Tết Mậu Thân năm 1968 như “một quả bom” nổ giữa dư luận của nước Mỹ. Đây là một phong trào chống chiến tranh không những chưa từng có ở Mỹ cũng như chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Ngay tại nước Mỹ, 8 thanh niên tự thiêu, người tự thiêu đầu tiên (năm 1965) trước cửa sổ Lầu Năm Góc là Norman Morrison, 32 tuổi; 70 thanh niên đã đốt thẻ quân dịch ở Niu Yoóc (ngày 15-4-1967); từ năm 1966 đến năm 1973 có 503.926 vụ lính Mỹ đào ngũ; nhiều cuộc biểu tình của nhân dân và sinh viên Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam diễn ra, cuộc biểu tình đầu tiên ở Oasinhton ngày 27-11-1965 với 25.000 người tham gia; riêng năm 1970, đã xảy ra 250 vụ đánh bom khủng bố đòi chấm dứt chiến tranh. Người kiên trì đấu tranh cho hòa bình và đã nhiều lần đến thăm Việt Nam trong thời gian chiến tranh là chị Jane Fonda⁽¹²⁾. Nhà bình luận chính trị nổi tiếng Walter Lippman của Mỹ cay đắng thốt lên: “Luong tâm người Mỹ đã nổi giận... Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là cuộc chiến tranh không được lòng người nhất trong lịch sử nước Mỹ nay đã đến hồi kết”⁽¹³⁾.

Bốn là, trong quá trình đàm phán, để tạo nên sức mạnh tổng hợp, lực lượng đấu tranh trên bàn đàm phán biết vận dụng sách lược đúng đắn tùy tình hình thực tế trên chiến trường, thế và

lực của cả hai bên để đưa ra những quyết sách phù hợp

Đây chính là nghệ thuật để sử dụng hiệu quả sức mạnh các lực lượng trên bàn đàm phán. Đảng đã kiên trì nguyên tắc và linh hoạt về sách lược để giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối và hoạt động đối ngoại trong bối cảnh tình hình thế giới rất phức tạp và đấu tranh ngoại giao với Mỹ, một kẻ thù rất xảo quyệt. Đảng chủ trương mở rộng mặt trận đấu tranh ngoại giao và cục diện “vừa đánh, vừa đàm” từ năm 1968, khi điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch cho phép.

Đảng thực hiện một cách nhất quán chủ trương đàm phán trực tiếp với Mỹ, giữ vững nguyên tắc và linh hoạt về sách lược, không dao động, không chịu sức ép của Mỹ trên chiến trường, trên bàn hội nghị và sức ép từ bất cứ phía nào. Tuy nhiên, để đi đến thắng lợi cuối cùng trong quá trình chỉ đạo cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán, ta đã có những sách lược mềm dẻo: năm 1968, Việt Nam buộc Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc. Đồng thời, cùng với sự tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Việt Nam đồng ý cho chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán giai đoạn sau.

Trong ba năm 1969-1971 là thời gian trên bàn đàm phán cả hai bên không thỏa thuận được vấn đề gì. Ta kiên trì đấu tranh, đến ngày 11-10-1971, trong đề nghị của Mỹ không còn nêu vấn đề phải rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam. Trong suốt cuộc đàm phán, rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam là vấn đề đòi hỏi cơ bản, then chốt nhất của Mỹ. Với cách mạng Việt Nam, vấn đề giữ nguyên lực lượng vũ trang của ta ở miền Nam là nguyên tắc lớn nhất và bất di bất dịch, chủ trương của Bộ Chính trị kiên quyết thực hiện nguyên tắc “quân Mỹ phải rút ra, quân ta ở lại”. Đây là một trở ngại lớn nhất trong đàm phán, do vậy, khi Mỹ chấp nhận từ bỏ yêu sách đòi quân miền Bắc rút ra

khỏi miền Nam là một thắng lợi quan trọng trên bàn đàm phán trong giai đoạn này.

Đến tháng 10-1972, trước tình thế đàm phán “dẫm chân tại chỗ”, Bộ Chính trị có quyết sách mạnh bạo chỉ đạo Đoàn đàm phán là: tập trung giải quyết vấn đề Mỹ rút quân, chấm dứt dính líu quân sự, tạm gác một số vấn đề chính trị nội bộ miền Nam. Các vấn đề này sẽ do hai bên miền Nam giải quyết trong bước sau.

Trong bức điện cho Đoàn Paris ngày 4-10-1972, Bộ Chính trị nêu rõ: “Ta cần gác một số yêu cầu khác về nội bộ miền Nam. Những vấn đề chưa đạt được là do tình hình chưa cho phép đạt được. Dầu ta có tiếp tục đàm phán đến sau bầu cử ở Mỹ thì ta cũng không đạt được... Nhưng nếu chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam thì trong đấu tranh với nguy sau này, ta có điều kiện để đạt các vấn đề đó và còn giành thắng lợi lớn hơn...”⁽¹⁴⁾. Nhìn lại toàn bộ cuộc đàm phán Paris, phía Việt Nam có nhiều sách lược, nhưng chủ trương tạm gác một số vấn đề chính trị nội bộ miền Nam để sớm đạt được Hiệp định buộc Mỹ rút hết quân, chấm dứt xâm lược và can thiệp vào miền Nam, là một nghệ thuật đầy sáng tạo của Việt Nam trên bàn đàm phán.

Thắng lợi của cuộc phản công chiến lược Xuân Hè năm 1972 của quân và dân miền Nam, đặc biệt là thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong Chiến dịch Linebacker II đã đập tan cố gắng cuối cùng của tập đoàn cầm quyền Mỹ hòng sử dụng sức mạnh quân sự với vũ khí tối tân hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc, nhằm mục tiêu đàm phán trên thế mạnh tại Hội nghị Paris.

Quân và dân ta đã viết nên bản anh hùng ca “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”. Mỹ đã phải cay đắng thừa nhận: “Mọi thứ mà chúng ta đã cố gắng làm, lại một lần nữa hỏng hết”, “Chiến dịch Linebacker II không thể vớt ra được quyết định

nhường bộ nào từ Bắc Việt Nam”⁽¹⁵⁾. Mỹ phải xuống thang chiến tranh, trở lại bàn đàm phán ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27-1-1973.

3. Một số bài học kinh nghiệm về tập hợp lực lượng

Thứ nhất, để tập hợp lực lượng, tạo nên thực lực trong cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, phải luôn xác định vấn đề đại đoàn kết dân tộc mang tính chiến lược cơ bản, lâu dài của cách mạng

Khi nói về đại đoàn kết dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài..., không phải là một thủ đoạn chính trị... Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”⁽¹⁶⁾. Tiếp tục thực hiện chiến lược đại đoàn kết của Người, sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Trước nhiều vận hội nhưng không ít khó khăn, thách thức của đất nước khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện lịch sử mới, Đảng không chỉ tiếp tục nhấn mạnh sự nhất quán về vai trò quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc là *đường lối chiến lược*, là *động lực*, mà còn là *nguồn lực to lớn* để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh lịch sử mới. Để tạo nên thực lực, tiếp tục phát huy truyền thống tự lực cánh sinh “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” trong công cuộc đổi mới, Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) đã xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam”⁽¹⁷⁾.

Sức mạnh dân tộc Việt Nam là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần, là sự kết hợp sức mạnh chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, ngoại giao... trước hết là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là sức mạnh nội sinh tạo nên thế và lực để “chiềng” có to thì “tiếng mới lớn” trong bối cảnh lịch sử mới.

Thứ hai, tăng cường đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để chiến thắng kẻ thù, giành độc lập tự do và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trên cơ sở nguyên tắc tự lực, tự cường, phát huy nội lực là nền tảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”⁽¹⁸⁾. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁽¹⁹⁾. Giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, nâng cao tinh thần tự lực, tự cường là tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sự giúp đỡ quốc tế là rất to lớn, quan trọng, là nhân tố không thể thiếu đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Song độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác quốc tế là hai mặt thống nhất trong đường lối chiến lược nhất quán của Đảng. Đó chính là sự quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: “Tự lực cánh sinh là cái gốc, điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta”⁽²⁰⁾. Phát huy bài học lịch sử trong công

cuộc đổi mới, Đảng ta đã xác định: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại”⁽²¹⁾. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước. Hợp tác bình đẳng,

cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh.

Ba là, để phát huy được sức mạnh tổng hợp của tất cả các lực lượng, tạo thế và lực trên bàn

đàm phán, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải chủ động dự báo sớm, kịp thời đưa ra những phương án sáng suốt để ứng phó với mọi tình huống

Thực tiễn thắng lợi trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris đã minh chứng sự dự đoán, nắm bắt tình hình đối phương, những chuyển biến trên chiến trường, những mối quan hệ phức tạp giữa các nước lớn với sự theo đuổi lợi ích khác nhau và xu hướng phát triển của những vấn đề đặt ra trên bàn đàm phán của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ngoại giao của ta ngày càng có vị thế và giành được thắng lợi trong từng giai đoạn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững

chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”⁽²²⁾. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người không chỉ có những dự đoán sớm, chính xác mà còn sáng suốt hoạch định kế hoạch chiến lược và chỉ đạo chuẩn bị chu đáo để chủ động ứng phó và giành thắng lợi trước kẻ thù.

Để có được dự báo, tầm nhìn chiến lược, đưa ra được những quyết sách kịp thời, trong bối cảnh mới cần nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, trong đó đặc biệt đội ngũ đảm đương trọng trách ngoại giao của đất nước. Chính vì trong quan hệ quốc tế, lợi ích các dân tộc đan xen, tác động qua lại lẫn nhau, yếu tố quyết định để bảo đảm lợi ích dân tộc là phát huy tinh thần độc lập, tự chủ trong mọi suy tính chiến lược, quyết sách đối ngoại và hoạt động thực tiễn.

Những bài học đúc kết từ “thắng lợi ngoại giao tuyệt vời” này sẽ còn được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong điều kiện lịch sử mới □

Ngày nhận bài: 14-1-2023; Ngày bình duyệt: 25-01-2023; Ngày duyệt đăng: 27-01-2023.

- (1) Phạm Văn Đồng: *Vì sao Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.5.
- (2), (15) George C. Hering: *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.73, 326.
- (3) Mc Namara: *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.11-12.
- (4) *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.75-76.

- (5) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.28, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.174.
- (6) Tài liệu lưu trữ tại Bộ Ngoại giao.
- (7) Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập VII - Thắng lợi quyết định năm 1972*, Sdd, tr.308.
- (8) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.60.
- (9) *Bách khoa tri thức quốc phòng toàn dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.418.
- (10) Tài liệu lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Cục Tác chiến, Hồ sơ số 5247.
- (11) Tài liệu lưu trữ, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Bộ Quốc phòng, Hồ sơ số 1262.
- (12) Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.507.
- (13) Nigel Cawthorne: *Chiến tranh được và mất*, Nxb Đà Nẵng, 2007, tr.11.
- (14) Tài liệu lưu trữ của Bộ Ngoại giao.
- (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.244.
- (17) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.110.
- (18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.445.
- (19) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.320.
- (20) Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao ngày 14-1-1964. Hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao.
- (21) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.66.
- (22) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.552.